

Bản án số: 439/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 14-11-2019

V/v tranh chấp: “ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN Y – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm, gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Ngọc Bích

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Lâm Văn Vô

Bà Trần Thị Tuyết

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Thúy Hằng – là Thư ký Tòa án nhân dân Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 5 tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Tiền – Kiểm sát viên

Ngày 14 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 207/2019/TLST-HNGĐ ngày 29/5/2019 về việc “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 74/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 10 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 171/2019/QĐST-HNGĐ ngày 28 tháng 10 năm 2019, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà M, sinh năm 1958 (Xin vắng mặt)

Thường trú: 3.1 chung cư 1326 đường K, Phường X, Quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh

Cư trú: 112/2/7 đường A, Phường B, Quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh

Bị đơn: Ông T, sinh năm 1960 (Vắng mặt)

Thường trú: 112/2/7 đường A, Phường B, Quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại Đơn khởi kiện ngày 20/5/2019, Bản tự khai ngày 24/6/2019, nguyên đơn là bà M trình bày:

Bà và ông T tự nguyện sống chung và có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận số 102, quyển số 01/92 của Ủy ban nhân dân Phường D, Quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh đăng ký ngày 17/12/1992. Bà và ông T chung sống có một người con chung tên P (nữ), sinh ngày 03/10/1997.

Mâu thuẫn giữa bà và ông T xuất phát từ việc thiếu sự đồng cảm và chia sẻ mọi việc trong gia đình, giữa vợ chồng không còn sự quan tâm, chăm sóc, lo lắng cho nhau. Dù đã cố gắng khắc phục nhưng mâu thuẫn giữa hai vợ chồng vẫn ngày càng nhiều thêm, đặc biệt là từ lúc cả hai vợ chồng nghỉ hưu, thời gian ở nhà nhiều hơn nên cũng thường xuyên xảy ra tranh cãi. Không khí trong gia đình luôn ngột ngạt, khó thở, không cảm nhận được bầu không khí hạnh phúc của gia đình.

Hiện nay, bà nhận thấy tình cảm vợ chồng đã không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, tình trạng hôn nhân ngày càng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài nên bà yêu cầu được ly hôn với ông T để ổn định cuộc sống riêng.

Về con chung: Người con chung tên P đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà và ông T không có tài sản chung và không có thiếu nợ chung của ai nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn - ông T đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án số 218/2019/GB-TA ngày 29/5/2019; Giấy triệu tập ngày 20/8/2019 để ghi nhận ý kiến về việc khởi kiện của nguyên đơn; Giấy triệu tập các ngày 03/9/2019, ngày 20/9/2019 về việc tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Các Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cùng số 207/TB-TA các ngày 09/9/2019 và ngày 20/9/2019; Thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải số 207/TB-TA ngày 02/10/2019; Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 74/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 09/10/2019 và giấy triệu tập tham gia phiên tòa; Quyết định hoãn phiên tòa số 171/2019/QĐST-HNGĐ ngày 28/10/2019 và giấy triệu tập tham gia phiên tòa, nhưng ông T vẫn không nộp cho Tòa án văn bản trình bày ý kiến về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, vắng mặt không lý do trong suốt quá trình tố tụng và tại phiên tòa hôm nay.

Tại phiên tòa sơ thẩm,

Nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Bị đơn vắng mặt nên không ghi nhận được ý kiến.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Quận Y phát biểu quan điểm:

- Về việc chấp hành pháp luật tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án và tại phiên tòa hôm nay, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã tuân thủ đúng quy trình tố tụng giải quyết vụ án. Nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa dù đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, bà M được ly hôn với ông T. Người con chung tên P (nữ), sinh ngày 03/10/1997 đã trưởng thành nên có quyền tự quyết định sống chung với cha hay mẹ là tùy ý. Về tài sản chung và nợ chung: Bà M khai không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp: Nguyên đơn là bà M khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với ông T. Theo kết quả xác minh ngày 08/10/2019 của Công an Phường 5, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh thể hiện ông T có hộ khẩu thường trú và hiện đang thực tế sinh sống tại địa chỉ 112/2/7 đường A, Phường B, Quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh. Do đó, đây là tranh chấp về ly hôn quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết sơ thẩm của Tòa án nhân dân Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh. Vụ án thuộc trường hợp Viện kiểm sát nhân dân tham gia phiên tòa theo khoản 2 Điều 21 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng:

[2.1] Nguyên đơn có đơn đề ngày 28/10/2019 đề nghị được vắng mặt khi Tòa án xét xử vụ án.

[2.2] Bị đơn là ông T đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 74/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 09/10/2019 và giấy triệu tập tham gia phiên tòa; Quyết định hoãn phiên tòa số 171/2019/QĐST-HNGĐ ngày 28/10/2019 và giấy triệu tập tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[3] Về yêu cầu của đương sự:

[3.1] Về quan hệ vợ chồng:

[3.1.1] Bà M và ông T tự nguyện sống chung và có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận số 102, quyển số 01/92 của Ủy ban nhân dân Phường D, Quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh đăng ký ngày 17/12/1992 nên có căn cứ xác định quan hệ hôn nhân giữa bà M và ông T là quan hệ hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ.

[3.1.2] Xét mâu thuẫn giữa bà M và ông T xuất phát từ việc đôi bên không đồng cảm, quan tâm, lo lắng, chăm sóc cho nhau dẫn đến tình cảm vợ chồng rạn nứt, từ đó, đôi bên thường xuyên cãi vã, mâu thuẫn và hiện nay bà Vân, ông T đã về hưu, thời gian sinh hoạt ở nhà nhiều càng làm cho mâu thuẫn gia đình thêm nghiêm trọng, không thể hàn gắn được.

[3.1.3] Từ thời điểm bà M nộp đơn ly hôn đến nay, ông T không đến Tòa án trình bày ý kiến, chứng tỏ ông T không còn quan tâm đến việc hàn gắn tình cảm vợ chồng. Xét thấy cuộc hôn nhân không đem lại hạnh phúc cho bà M, mục đích hôn nhân không đạt được. Vợ chồng không còn tình cảm, không có sự quan tâm, chia sẻ, gắn bó với nhau, do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, cho bà M được ly hôn với ông T.

[3.2] Về con chung: Bà M và ông T có một người con chung tên P (nữ), sinh ngày 03/10/1997 đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết, Tòa án không xét.

[3.3] Về tài sản chung: Bà M xác định vợ chồng không có tài sản chung. Ông T vắng mặt không có ý kiến về vấn đề tài sản chung. Do vậy, Tòa không xem xét, giải quyết phần tài sản chung.

[3.4] Về nợ chung và thực hiện nghĩa vụ dân sự chung: Bà M cam kết vợ chồng không có khoản nợ nào chung và cũng không thực hiện nghĩa vụ dân sự với ai, ông vắng mặt, không có ý kiến nên Tòa không xét.

[3.5] Về án phí: Bà M được miễn nộp tiền án phí theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228; Điều 235; Điều 266; Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ Điều 56 và Điều 57 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà M.

1.1. Về quan hệ vợ chồng: Bà M được ly hôn với ông T.

1.2. Về con chung: Người con chung tên P (nữ), sinh ngày 03/10/1997 đã trưởng thành nên có quyền tự quyết định sống chung với cha hay mẹ là tùy ý. Tòa án không xét.

1.3. Về tài sản chung: Bà M xác định vợ chồng không có tài sản chung, không yêu cầu giải quyết nên Tòa không xét.

1.4. Về nợ chung và nghĩa vụ dân sự chung: Bà M cam kết vợ chồng không có khoản nợ nào chung và cũng không thực hiện nghĩa vụ dân sự với ai, không yêu cầu giải quyết nên Tòa không xét.

2. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm:

Bà M được miễn nộp tiền án phí theo quy định.

3. Về quyền kháng cáo:

Bà M và ông T vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày bản án được tổng đạt hoặc được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, Điều 7, 7a và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKS nhân dân Quận Y;
- Chi cục THA DS Quận Y;
- Lưu: VP, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đỗ Thị Ngọc Bích